

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.

Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Mua sắm vật tư y tế và y dụng cụ phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2025 tại Trung tâm Y tế khu vực Ngũ Hành Sơn.

- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2025-2026 tại Trung tâm Y tế khu vực Ngũ Hành Sơn.

- Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế khu vực Ngũ Hành Sơn.

- Nguồn vốn: Từ nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh, nguồn thu do cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán và nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng.

- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Y tế khu vực Ngũ Hành Sơn - 582 Lê Văn Hiến, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Hàng hóa dự thầu có nêu chủng loại/ model/ ký mã hiệu, Hãng sản xuất, Nước sản xuất, Năm sản xuất; Tình trạng mới 100%.

- Tài liệu bản gốc phải kèm bản dịch sang tiếng Việt. (Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính trung thực của bản dịch):

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa dự thầu do Hãng sản xuất phát hành (trường hợp bản tiếng nước ngoài khác tiếng Anh thì nhà thầu phải cung cấp Tài liệu tiếng gốc của Hãng kèm Bảng tiếng Anh được phát hành từ Hãng). Các Tài liệu phải thể hiện được chủng loại/ model / ký mã hiệu và thông số kỹ thuật của hàng hóa để có cơ sở đối chiếu với thông số dự thầu nhà thầu đã kê khai.

+ Đối với các tài liệu tra cứu được trên trang Web điện tử của Hãng sản xuất, Nhà thầu phải cung cấp kèm đường Link tra cứu (được lưu trong file định dạng Word hoặc Excel).

+ Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có thể yêu cầu bổ sung Bản phát hành có xác nhận, đóng dấu của Hãng sản xuất hoặc Hãng chủ sở hữu kèm bản dịch thuật công chứng của cơ quan có thẩm quyền; Trong trường hợp có sự sai khác giữa bản dịch và bản gốc thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá dựa vào bản gốc.

- Phiếu công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế:

+ Đối với nhà thầu dự thầu các phần thuộc lĩnh vực: vật tư y tế, hóa chất filler, hóa chất xét nghiệm, dụng cụ y khoa: Nhà thầu (Tất cả các thành viên liên danh) tham gia đấu thầu phải công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế và cung cấp kèm tài liệu Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) Hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D do Sở Y tế có thẩm quyền cấp; Hoặc Đối với Trang thiết bị y tế thuộc loại A hoặc loại B, C, D (được mua, bán như các hàng hóa thông thường theo quy định tại Điều 4 - Thông tư 05/2022/TT-BYT ngày 01/08/2022): Nhà thầu không yêu cầu công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D.

+ Đối với nhà thầu dự thầu các phần thuộc các lĩnh vực còn lại: Không yêu cầu phiếu công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế.

- Đối với nhà thầu dự thầu các phần thuộc lĩnh vực: vật tư y tế, hóa chất filler, hóa chất xét nghiệm, nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh:

+ Hàng hóa phải được niêm yết giá và đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Khoản 9, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023. Nhà thầu kê khai và đính kèm bản PDF thể hiện giá niêm yết trong E-HSĐT.

+ Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam phải Công bố đủ điều kiện sản xuất đối với trang thiết bị y tế sản xuất trong nước của Hãng sản xuất trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế (Nhà thầu cung cấp Văn bản công bố đủ điều kiện sản xuất; Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) Hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế do Sở Y tế có thẩm quyền cấp).

+ Hãng sản xuất phải đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương và chứng chỉ chất lượng của hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT (nếu có).

+ Bản phân loại trang thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP, Nghị định 07/2023/NĐ-CP.

+ Trang thiết bị y tế thuộc loại A, B: Có Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B; (Nhà thầu cung cấp Văn bản công bố Tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A hoặc loại B theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP, Nghị định 07/2023/NĐ-CP; Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A hoặc loại B, do Sở Y tế có thẩm quyền cấp)

+ Trang thiết bị y tế thuộc loại C, D: Giấy phép nhập khẩu hoặc giấy phép lưu hành phải còn hiệu lực; (Nhà thầu cung cấp Văn bản đề nghị Cấp mới số lưu hành trang thiết bị y tế; Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành trang thiết bị y tế thuộc loại C, D do Bộ Y tế cấp; Hoặc giấy phép nhập khẩu do Bộ Y tế cấp còn hiệu lực)

+ Đối với trang thiết bị y tế không thuộc danh mục phải cấp phép nhập khẩu (theo Khoản 18, Điều 1 Nghị định 07/2023/NĐ-CP) thì Nhà thầu phải có tài liệu chứng minh kèm bản phân loại là trang thiết bị y tế thuộc loại C, D được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế;

+ Đối với hàng hóa thuộc trường hợp thuộc Khoản 18, Điều 1 thuộc Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 về việc Sửa đổi, bổ sung Điều 76. Điều khoản chuyển tiếp của Nghị định 98/2021/NĐ-CP thì áp dụng theo quy định tại Khoản 18, Điều 1 thuộc Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023.

+ Tờ khai hải quan để xác nhận xuất xứ hàng hóa nếu là hàng nhập khẩu.

- Đối với nhà thầu dự thầu các phần thuộc các lĩnh vực còn lại, nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa dự thầu như: Giấy chứng nhận xuất xưởng (CO) hoặc phiếu công bố tiêu chuẩn sản phẩm hoặc tờ khai hàng hóa nhập khẩu hoặc tương đương.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

Theo quy định tại PHỤ LỤC 1 - DANH MỤC HÀNG HÓA.

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật khó mô tả. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu về quy cách đóng gói, tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt” hơn so với yêu cầu cơ bản, đồng thời phải phù hợp với trang thiết bị hiện có và khả năng sử dụng của đơn vị sử dụng. Tương đương được hiểu tương đương về chất liệu, tiêu chuẩn công nghệ, tính năng sử dụng (tùy theo chi tiết cụ thể trong cấu hình).

Nhà thầu phải lập bảng kê khai các thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu với hàng hóa mời thầu, trong đó

ghi chú rõ hàng hóa có thông số kỹ thuật “tương đương” hoặc “tốt hơn” yêu cầu của E-HSMT và đính kèm tài liệu chứng minh.

1.3. Yêu cầu về quy cách E-HSDT

Nhà thầu sắp xếp E-HSDT vào các Folder và nén thành 1 File đính kèm trên Hệ thống.

- Để không xảy ra tình trạng lỗi file khi giải nén, Nhà thầu vui lòng đặt tên File hoặc Folder theo tiếng Việt không có dấu.

- Đối với nhà thầu Liên danh:

+ Nhà thầu phải đính kèm bản scan thỏa thuận liên danh có quy định công việc cụ thể của từng thành viên, tỷ lệ liên danh và Danh mục hàng hóa do từng thành viên cung cấp, hoặc tự sản xuất.

+ Nhà thầu chỉ đổi phần “**Tennhathau**” theo tên của các thành viên liên danh và đính kèm các tài liệu dự thầu của riêng từng thành viên theo phần công việc đảm nhận đã quy định tại Thỏa thuận liên danh.

- Cách đặt tên các Folder như sau:

A. TT_Tennhathau: là Folder chứa các thông tin về Nhà thầu như giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cam kết của nhà thầu, Bảng kê khai chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (nếu có) (kèm tài liệu chứng minh),...

B. NLKN_Tennhathau: là Folder chứa các thông tin về năng lực kinh nghiệm của Nhà thầu như Báo cáo tài chính + thuyết minh BCTC, Văn bản xác nhận của Cơ quan quản lý thuế năm tài chính gần nhất, Bản scan Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hoặc hóa đơn tài chính có danh mục hàng hóa đã thực hiện theo hợp đồng kê khai, tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa nếu nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa dự thầu,...

C. KT_HANG: là Folder chứa các thông tin về Kỹ thuật của hàng hóa dự thầu như Giấy ủy quyền bán hàng, catalogue/ brochure/ datasheet hoặc tài liệu chứng minh thông số dự thầu, tài liệu về tiêu chuẩn chất lượng,...

Mục 2. Bản vẽ : Không

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Các kiểm định và thử nghiệm cần tiến hành: Theo quy định pháp luật hiện hành.

- Thời gian kiểm tra và thử nghiệm: trước khi nghiệm thu.

- Nội dung kiểm tra: Đơn vị sử dụng có quyền kiểm tra, thử nghiệm các hàng hóa để khẳng định tính phù hợp với đặc tính kỹ thuật của hàng hóa theo hợp đồng. Chủ đầu tư không phải chịu các phí tổn phụ thêm. Đơn vị sử dụng có nhiệm vụ thông báo kịp thời cho nhà cung cấp về kết quả chạy thử để nhà cung cấp có biện pháp khắc phục (nếu có) trước khi chính thức bàn giao.

- Các cuộc kiểm tra, thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở tại Đơn vị sử dụng.

- Nếu các hàng hóa qua kiểm tra và thử nghiệm mà không phù hợp với các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật thì Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng (nhà cung cấp phải thay thế các hàng hóa khác hoặc đưa ra những sửa đổi cần thiết để đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật và miễn phí hoàn toàn). Chủ đầu tư phải lập Biên bản trong trường hợp này để làm căn cứ xem xét trong việc đánh giá Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật đối với nhà thầu trong các kỳ đấu thầu tiếp theo.

PHỤ LỤC 1 - DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI THẦU

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
1	PP2500576720	Bông y tế không hút nước	Chất liệu: 100% bông xơ tự nhiên nhưng sợi bông không có khả năng thấm nước. Bì 1kg.	Kg	20
2	PP2500576721	Bông hút nước y tế	Bông hút nước y tế 1kg	Kg	350
3	PP2500576722	Viên khử khuẩn	Thành phần chính: Viên sủi khử khuẩn 5g: Sodium Dichloroisocyanurate 50%, Citric Acid 18%, thành phần khác 32%. - Tác dụng khử khuẩn đạt tới 90% - Tiêu chuẩn chất lượng GMP.	Viên	45.000

4	PP2500576723	Dung dịch rửa tay sát khuẩn thực hiện thủ thuật, phẫu thuật	Thành phần: Chứa hoạt chất Chlorhexidine Gluconate 4% kl/tt. - Dung tích chai 500 ml.	Chai	58
5	PP2500576724	Dung dịch khử trùng dụng cụ	Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn: EN 14561. Can 5 lít	Lít	30
6	PP2500576725	Dung dịch ngâm tẩy rửa, khử trùng dụng cụ chứa enzyme (protease)	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme. - Thành phần: protease subtilisin 0,5%, hiệu quả nhanh sau 1 phút, pH trung tính. Chai 1 lít.	Chai	120
7	PP2500576726	Cồn 70 độ	Dạng lỏng, không màu, chứa cồn 70 độ, $\geq 1,5$ Lít/chai, các chai được đóng thùng nguyên kiện.	Chai	1.534
8	PP2500576727	Cồn sát trùng 90 độ	Cồn 90 độ, không màu, trong có mùi cồn đặc trưng. - 500ml/chai	Chai	21
9	PP2500576728	Băng bột bó 7,5cm x 2,7m (3 inches)	Công dụng: hỗ trợ đặc lực cho bệnh nhân khi bị gãy xương. • Nguyên liệu: bông vớ thạch cao pha lỏng, phủ đều phần gạc • Màu sắc: trắng. • Thạch cao phủ đều phần cotton . • Thời gian kết đông: 3-5 phút. • Trọng lượng: 390g/m ² , 400g/m ² , 410g/m ² ... • Phân loại size: - Bột bó 3in: 7.5cm x 2.7m	Cuộn	500

10	PP2500576729	Băng bột bó 10cm x 270cm (4 inches)	Kích thước 10cm x 270cm. Sản xuất bởi bột thạch cao được pha loãng bao phủ hoàn toàn gác thấm. Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước. Thời gian đông kết nhanh: khoảng 3-5 phút.	Cuộn	500
11	PP2500576730	Băng bột bó 15cm x 2,7m (6 inches)	Kích thước 15cm x 2,7m. Sản xuất bởi bột thạch cao được pha loãng bao phủ hoàn toàn gác thấm. Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước. Thời gian đông kết nhanh: khoảng 3-5 phút.	Cuộn	500
12	PP2500576731	Băng thun 3 móc	Có độ co giãn, kích thước (10cmx4.5m) ± 5%	Cuộn	1.000
13	PP2500576732	Băng cuộn 7cm x 2,5m	Kích thước: 7cm x 2,5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.	Cuộn	20.000

14	PP2500576733	Gạc phẫu thuật 10 cm x10cmx 12 lớp vô trùng	Vải dệt hút nước 100% cotton (Gạc dệt hút nước, gạc y tế) Tiệt trùng bằng khí EO - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) $\leq 8\%$ - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; - Hàm lượng chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$ - Hàm lượng chất béo $< 0,1\%$ - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. - Chất màu: Dịch chiết không màu	Cái	10.000
15	PP2500576734	Gạc Vaseline	Kích thước: 19 x 65 mm	Miếng	2.000
16	PP2500576735	Bông gạc đắp vết thương 10cm x 20cm vô trùng	Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa. Không có độ tổ, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Chất tan trong nước $\leq 0,5\%$. Độ pH: trung tính. Độ ẩm: 5 - 6.5%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Kích thước 10 x 20cm, Vô trùng	Miếng	15.000
17	PP2500576736	Băng thun (6 inches) 15cm x 4.5m	Vải băng thun có tính đàn hồi cao, không mùi, không vị. Kích thước 15cm x 4,5m hoặc tương đương	Cuộn	60

18	PP2500576737	Gạc phẫu thuật 7,5 cm x7,5cmx 8 lớp vô trùng	Vải dệt hút nước 100% cotton (Gạc dệt hút nước, gạc y tế). Tiệt trùng bằng khí EO - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) $\leq 8\%$ - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; - Hàm lượng chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$ - Hàm lượng chất béo $< 0,1\%$ - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. - Chất màu: Dịch chiết không màu	Cái	3.000
19	PP2500576738	Băng dính vải. Kích thước 25mm x6m	Băng dính vải không dệt kích thước: 25mm x 6m. - Độ bám dính $> 2,5$ N/12mm. - Trọng lượng keo $>35 \pm 3$ g/m ² - Chất liệu : bột giấy, polyester, keo Acrylic. Không chứa cao su.	Cuộn	15.000
20	PP2500576739	Gạc mét	Khổ 0,8m. Được đóng gói bằng 02 lớp bao bì PP và bao gai	Mét	4.500
21	PP2500576740	Xốp cầm máu nha khoa 10x10x10mm tự tiêu	Kích thước 10mmx10mmx10mm	Miếng	300
22	PP2500576741	Gạc Meche phẫu thuật	Được làm từ gạc hút nước 100% cotton Kích thước: 3,5 cm x 75 cm x 6 lớp Dùng cầm máu, dẫn lưu trong phẫu thuật	Cái	300

23	PP2500576742	Bơm tiêm nhựa 10ml (kim 23G x 1"; 25G x 1")	<p>Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Không bị gãy, không bị cong vênh. 	Cái	34.000
24	PP2500576743	Bơm tiêm nhựa 20ml	<p>Xy lanh dung tích 20 ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Không bị gãy, không bị cong vênh. 	Cái	16.400

25	PP2500576744	Kim cánh bướm an toàn các số có khóa luer lock	Kim cánh bướm an toàn các số có khóa luer lock	Cái	16.000
26	PP2500576745	Kim lấy máu, lấy thuốc (cỡ kim 18G; 23G)	<p>Kim cấu tạo thép không gỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ. - Không bị gãy, không bị cong vênh. - Kim cỡ 18G; 23G - Sản phẩm được tiệt trùng. 	Cái	39.000
27	PP2500576746	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50 ml/cc cho ăn	Nhựa y tế, bơm cho ăn sử dụng 1 lần 50 ml/cc	Cái	500
28	PP2500576747	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 0.5 ml/cc, kim các cỡ	Loại tự khóa, dung tích 0.5ml, kim 25Gx1". Hộp 100 cái	Cái	14.000
29	PP2500576748	Kim châm cứu	<p>Kim châm cứu vô trùng dùng một lần bao gồm thân kim và tay cầm kim:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính kim 0.25-0.30mm, chiều dài 13mm - 200mm - Kim được đóng gói vô trùng, dùng một lần. 	Cái	500.000

30	PP2500576749	Kim chích gây tê	Kim chọc dò tủy sống có thiết kế giúp giảm nguy cơ tổn thương tủy sống. - Kích cỡ tương ứng màu sắc từ 18G - 27G. - Chiều dài ống kim: 90mm - 125mm	Cái	200
31	PP2500576750	Kim cánh bướm (cỡ kim 23G; 25G)	Gồm: dây truyền, kim truyền và nắp chụp bảo vệ được hàn kín trong một đơn vị đóng gói. - Độ lớn kim: 23G; 25G - Sản phẩm được tiệt trùng.	Cái	16.000
32	PP2500576751	Kim luồn tĩnh mạch các số	Vật liệu FEP/PTFE, Silicon và thép không gỉ. Các số 18-20-22-24	Cái	56.250
33	PP2500576752	Bơm tiêm 50ml	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 50 ml, đầu nhỏ lệch lắp vừa kim tiêm. cỡ kim 23G, 25G, kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, có nắp đậy. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không có độc tố và chất gây sốt.	Cái	200
34	PP2500576753	Bơm tiêm insulin 1 ml	Bơm tiêm dùng để tiêm insulin Dung tích: 1ml. Bơm tiêm làm từ polypropylene Kim bằng thép không gỉ	Cái	15.000

35	PP2500576754	Bơm tiêm nhựa 5ml (kim 23G x1"; 25G x 1")	Xy lanh dung tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Không bị gãy, không bị cong vênh.	Cái	200.000
36	PP2500576755	Dây truyền dịch có kim	Chiều dài dây 155cm. Đường kính ống ngoài ống chính $\geq 3,8\text{mm}$ và độ dày từ 0,45mm đến 0,55mm, làm bằng nhựa PVC nguyên sinh Buồng nhỏ giọt với lưới lọc chất lỏng kích thước 15 micromet (1ml=20 giọt). Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	67.500
37	PP2500576756	Kim chích máu đầu ngón tay	Tiệt trùng. Kim chích máu đầu ngón tay	Cái	5.000
38	PP2500576757	Dây cho ăn có nắp	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Loại có nắp, các cỡ. Túi 25 cái	Cái	200
39	PP2500576758	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Làm từ cao su tự nhiên, không gây kích ứng da tay. Bền, không rách, không lủng, có viền mép, bề mặt nhám hoặc nhẵn. Tiệt trùng. Chiều dài: $28\text{cm} \pm 5\%$	Đôi	8.000

40	PP2500576759	Găng tay cao su y tế có bột	Làm từ cao su tự nhiên, không gây kích ứng da tay. Bền, không rách, không lủng, có viền mép, bề mặt nhám hoặc nhẵn, có phủ bột chống dính. Chiều dài: $\geq 240\text{mm}$	Đôi	333.000
41	PP2500576760	Túi đựng nước tiểu	Túi đựng nước tiểu có van xả, dây treo, chứa khoảng 2.000 ml nước tiểu.	Cái	450
42	PP2500576761	Ống nghiệm heparin	Ống nghiệm nhựa hình trụ, đáy tròn, nắp nhựa màu đen. Kích thước: 13 x 75mm hoặc 12 x 75mm. Thể tích danh nghĩa: 2ml Dung tích tối đa 6ml. Hóa chất bên trong là Heparin Lithium kháng đông cho 2ml máu.	Ống	48.000
43	PP2500576762	Ống nghiệm nhựa PS 5ml nắp trắng, không nhãn	Ống nghiệm được sản xuất bằng nhựa PP trắng đục tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong, đảm bảo các ống đồng nhất về kích thước và chất lượng	Cái	10.000
44	PP2500576763	Lọ nắp đỏ lấy mẫu xét nghiệm có nhãn vô trùng	Dùng đựng mẫu xét nghiệm Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 55 ml. Vô trùng	Lọ	10.000

45	PP2500576764	Ống nghiệm EDTA	Ống nghiệm nhựa PP, nguyên sinh, có độ nhẵn và trơn láng cao chống sự bám dính mẫu, kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), dung tích tối đa 6 ml , nắp nhựa màu xanh dương. * Bên trong chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate (EDTA K2), chỉ có một vạch chỉ thể tích 2ml trên nhãn ống.	Ống	48.000
46	PP2500576765	Ống sinh phẩm dùng cho máy đo tốc độ máu lắng	Ống đo tốc độ máu lắng dùng để xác định định lượng tốc độ máu lắng (ESR) của máu toàn phần Xuất xứ G7	Ống	1.200
47	PP2500576766	Cốc đòem	Bằng nhựa PS, Màu trắng, nắp đỏ. Dung tích 55 ml, chưa tiệt trùng	Chiếc	1.000
48	PP2500576767	Sone hậu môn các số	Ống thông hậu môn các số 22,24,26,28. Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo	Cái	200
49	PP2500576768	Ống nội khí quản sử dụng một lần các cỡ (có/không bóng)	Ống nội khí quản sử dụng một lần (có/không bóng). Chất liệu PVC y tế, vô trùng. Có đường cản quang và đánh dấu 2 vạch trên tube, khả năng chống xoắn, mềm theo thân nhiệt. Size: 2, 2,5, 3, 3,5, 4, 4,5, 5, 5,5, 6, 6,5, 7, 7,5, 8	Cái	300
50	PP2500576769	Sonde tiêu 2 nhánh	Ống thông tiêu 2 nhánh vô trùng các số	Cái	610

51	PP2500576770	Ống thông dạ dày	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc.	Cái	100
52	PP2500576771	Sonde Foley 2 nhánh	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên và được tráng qua silicon. Đóng gói trong từng túi riêng lẻ. Size: 14, 16, 18.	Cái	200
53	PP2500576772	Sonde nelaton các số	Làm bằng cao su thiên nhiên, kích thước 6 - 24Fr.	Cái	605
54	PP2500576773	Ống đặt nội khí quản có bóng chèn các số	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Có bóng và có cân quang. - Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gãy vỡ, không kích ứng da. Có vạch chia độ dài 1cm . - Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất.	Cái	300
55	PP2500576774	Dây hút đàm, nhớt không kiểm soát các số	Dây hút nhớt các cỡ. mỗi dây được đóng vào 01 túi, được tiệt trùng.	Cái	205
56	PP2500576775	Dây thở oxy hai nhánh	Dây thở oxy 2 nhánh cho người lớn và trẻ em.	Cái	1.800

57	PP2500576776	Dây hút nhớt các số	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Dây có độ dài ≥ 55 cm. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng.	Cái	400
58	PP2500576777	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6, số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp số 3/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác, cong 3/8, vòng kim 26mm $\pm 5\%$.	Tép	10.030
59	PP2500576778	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6, số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp số 4/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác, cong 3/8, vòng kim 20mm $\pm 5\%$	Tép	10.030
60	PP2500576779	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6, số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp số 5/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác, cong 3/8, vòng kim 15mm $\pm 5\%$	Tép	10.030
61	PP2500576780	Chỉ không tan tự nhiên số 3/0, kim tròn	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi 3/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26, phủ silicone.	Sợi	600

62	PP2500576781	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0	Polyglactin 910 là loại vật liệu tổng hợp, Số 4/0, dài 70cm kim 1/2 kim tròn vòng kim 22mm	Sợi	150
63	PP2500576782	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0	Chỉ phẫu thuật tự tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0 Kim tròn HR22mm, chỉ dài 75cm. Kim bằng thép không gỉ tiết trùng có phủ Silicone. Bề mặt được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ mất sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và tự tan trong vòng từ 56 đến 70 ngày.	Tép	240
64	PP2500576783	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0	Chỉ phẫu thuật tự tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0 Kim tròn HR26mm, chỉ dài 75cm. Kim bằng thép không gỉ tiết trùng có phủ Silicone. Bề mặt được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ mất sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và tự tan trong vòng từ 56 đến 70 ngày.	Tép	240
65	PP2500576784	Chỉ thép cuộn	Đường kính từ 0.3/0.4/0.5/0.6/0.7/0.8/0.9/1.0 mm, chiều dài 10m/cuộn -Chất liệu thép không gỉ	Cuộn	1
66	PP2500576785	Dao mổ	Lưỡi dao mổ các số	Cái	3.750

67	PP2500576786	Merocel	Phù hợp trong phẫu thuật trong hốc mũi, kích thước 8cm x 1,5 cm x 2 cm (Dài x Dày x Cao). Có thể cắt nhỏ theo nhu cầu sử dụng. Có khả năng tương thích sinh học và cầm máu	Miếng	15
68	PP2500576787	Đầu col xanh	Thiết kế vừa với pipet, bên trong không dính nước, có khóa, thể tích 1000 μ l \pm 5%	Cái	10.000
69	PP2500576788	Đầu col vàng có khóa	Chất liệu: Nhựa PP chính phẩm, màu vàng. - Có khóa, ôm kín đầu micropipet. - Dung tích 0-200 μ l	Cái	10.000
70	PP2500576789	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 3 lớp bao gồm: - 2 lớp vải không dệt. - 1 lớp giấy vi lọc (kháng khuẩn) ở giữa. - Thanh nẹp mũi định hình ôm sát khuôn mặt.	Cái	168.800
71	PP2500576790	Khẩu trang y tế phẫu thuật	Khẩu trang y tế 3 lớp, tiệt trùng, 1 cái/gói	Cái	10.000
72	PP2500576791	Đè lưỡi gỗ	Que tre, gỗ phải được làm bằng 100% gỗ tự nhiên tất cả phải qua hấp, sấy tiệt trùng đảm bảo chống nấm mốc; Được tiệt trùng bằng khí Eo (Với sản phẩm đã tiệt trùng)	Que	26.000
73	PP2500576792	Bảng điện cực (điện cực tim) Người lớn	Miếng dán điện cực tim sử dụng một lần không chứa latex, không PVC. Kích thước 35mmx44mm, hình Oval. Độ dẫn điện tốt, chính xác. Miếng dán tương thích với nhiều máy đo ECG khác nhau.	Miếng	500

74	PP2500576793	Miếng dán điện cực (trẻ em)	Miếng dán điện cực (trẻ em) Điện cực dán, dùng một lần Kích cỡ: bề dài nhất tối đa 34 mm Cấu tạo gồm: nền xốp, chất kết dính, gel, điện cực có lớp tiếp xúc Ag/AgCl Không có nhựa mủ, không PVC	Miếng	500
75	PP2500576794	Băng keo chỉ thị nhiệt	Kích thước: 12mm x 56m	Cuộn	60
76	PP2500576795	Mũ trùm đầu	Mũ trùm đầu y tế tiệt trùng, 1 cái /1 gói	Cái	7.500
77	PP2500576796	Gel siêu âm	Thành phần chủ yếu Carbomer, glycerin..., Độ bôi trơn và độ trượt tốt Không dính dầu mỡ, không mùi. Không gây kích ứng cho da. Có thể xoa đều để mở rộng vùng ứng dụng mà không bị khô và trượt Tạo ra độ dẫn truyền cao (Gel dùng trong Siêu âm)	Can	200
78	PP2500576797	Giấy điện tim 3 cần	Giấy điện tim 3 cần 63mmx30m	Cuộn	1.200
79	PP2500576798	Giấy in monitor sản khoa	Giấy in kết quả sản khoa dùng cho máy Bistos BT-300. Kích thước 130mm x 120mm x 300 tờ	Xấp	20
80	PP2500576799	Giấy in máy huyết học	Giấy in nhiệt Chiều rộng 5,7cm. KT: 57mm x 30m x 16mm	Cuộn	1.000
81	PP2500576800	Nhiệt kế thủy ngân	Nhiệt kế thủy ngân được cấu tạo gồm 2 phần: cảm nhận nhiệt và thước đo	Cái	400

82	PP2500576801	Túi chườm nóng	<p>Công dụng: chứa lượng nước nóng một cách an toàn, hỗ trợ giảm đau trong nhiều trường hợp khác nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chất liệu: Calcium carbonate + $\geq 30\%$ cao su. • Dung tích : 2000cc 	Cái	20
83	PP2500576802	Bóng bóp thổi ngạt ambu người lớn và trẻ em	Thành phần bóp bóng bằng PVC, túi trộn khí bằng PE, dây dẫn oxy $\geq 200\text{cm}$.	Cái	20
84	PP2500576803	Máy Huyết áp điện tử	<p>Giới hạn đo: Huyết áp: khoảng từ 0 đến 299 mm Hg Nhịp tim: khoảng từ 40 đến 180 nhịp/phút Độ chính xác: Huyết áp: $\pm 3\text{mmHg}$ Nhịp tim: $\pm 5\%$</p>	Cái	10
85	PP2500576804	Lam kính mài	<p>Chất liệu: kính Soda vôi,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 25,4 x 76,2mm $\pm 1\%$. - Độ dày: 1,0-1,2mm, mài mờ một đầu, bề mặt phẳng, không mốc. 	Cái	4.000
86	PP2500576805	Dầu soi kính	Dầu soi kính hiển vi	ml	1.500
87	PP2500576806	Hộp đựng tiêu bản	Hộp ≥ 100 vị trí. Kích thước: $\geq 200\text{mm}$ x 162mm x 32mm. Chất liệu: nhựa ABS	Cái	2
88	PP2500576807	Giấy lau kính hiển vi	Bằng giấy chuyên dụng mềm để không làm trầy kính trong quá trình lau chùi, kích thước 100x150mm	Cái	400
89	PP2500576808	Bộ nhuộm lao	Dùng để thực hiện xét nghiệm soi nhuộm ZiehlNeelsen. Bao gồm 03 dung dịch là carbon fuchsin, alcohol acid và methylen Blue.	Bộ	40

90	PP2500576809	Phin lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp	Phin lọc khuẩn dùng cam kết tương thích máy đo chức năng hô hấp model KoKo SX 1000	Cái	500
91	PP2500576810	Máy đo SpO2 cầm tay người lớn	Đo nồng độ oxy máu và nhịp tim Thiết kế nhỏ gọn, dễ dàng mang theo và sử dụng mọi lúc mọi nơi.	Cái	15
92	PP2500576811	Máy đo nồng độ Oxy trẻ em	Nồng độ oxy: 35-100% Nhịp tim: 25-250 bpm Độ chia nhỏ nhất: Nồng độ oxy: 1% Nhịp tim: 1 bpm Khoảng đo: SpO2: 70-100% Nhịp tim: 25-250 bpm Độ chính xác: Nồng độ oxy: -2% (70-100%)%, Không yêu cầu nếu nồng độ oxy (s 69%) Báo lỗi: Nhịp tim: ± 2 ppm Nồng độ oxy: $\pm 1\%$ so với giá trị thiết lập mặc định Nhịp tim: cao hơn $\pm 10\%$ so với giá trị thiết lập mặc định và ± 5 bpm PI (Chỉ số tưới máu) Chỉ số tưới máu yếu, 0.2% hoặc thông số kỹ thuật và tính năng sử dụng tương đương	Cái	15
93	PP2500576812	Huyết áp kế trẻ em+ tai nghe	Bộ gồm: huyết áp cơ trẻ em và ống nghe	Bộ	42
94	PP2500576813	Dây garo	Chất liệu thun cotton, dùng thắt mạch, có khóa nhựa chắc chắn.	Cái	350

95	PP2500576814	Lamen	Lamen thủy tinh, mỏng, trong suốt. Kích thước 22mm x 22mm ± 2 mm	cái	2.000
96	PP2500576815	Thuốc nhuộm giemsa	Thuốc nhuộm giemsa	ml	1.000
97	PP2500576816	Giấy in nhiệt máy đo mắt	Giấy in nhiệt 57mm x 20m	Cuộn	300
98	PP2500576817	Test thử nhanh phát hiện Ma túy.	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Amphetamin, Marijuana, Morphin, Codein, Heroin. Độ nhạy: ≥ 99,9%	Test	20.000
99	PP2500576818	Test nhanh phát hiện kháng thể HIV Rapid	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người nhằm mục đích chẩn đoán lây nhiễm HIV - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: ≥ 99.47% ; Độ đặc hiệu: ≥ 99.87% - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp. - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	3.000
100	PP2500576819	Test nhanh HBsAg	Khay thử nhanh phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người. Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: >=98% so với CLIA/Elisa/PCR. Độ lặp lại và độ tái lập đạt 100%. Nhiệt độ bảo quản: 2 - 40°C hoặc rộng hơn khoảng này.	Test	3.000

101	PP2500576820	Test nhanh thử thai	Xét nghiệm nhanh sắc ký miễn dịch để định tính phát hiện human chorionic gonadotropin (hCG) trong nước tiểu giúp hỗ trợ phát hiện có thai sớm. - Độ nhạy chẩn đoán: 100% (95% - 100%) - Độ đặc hiệu chẩn đoán: 100% (93% - 100%) - Độ chính xác: 100% (93% -100%)	Test	1.000
102	PP2500576821	Test nhanh NS1Ag	Khay thử nhanh phát hiện định tính kháng nguyên virus Dengue NS1 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người. Độ nhạy: $\geq 92\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$ so với RT-PCR. Độ lặp lại và độ tái lập đạt 100%. Giới hạn phát hiện ≤ 3.9 ng/ml (với cả 4 tuýp Dengue 1,2,3,4). Nhiệt độ bảo quản: 20-40°C hoặc rộng hơn khoảng này.	Test	2.000
103	PP2500576822	Định lượng nồng độ HbA1c	Xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang định lượng HbA1c. Thời gian đọc kết quả 3 phút. Mẫu: Máu toàn phần. Lượng mẫu: 5 microlit Khoảng xét nghiệm: 4 ~ 15 % [NGSP], 20 ~ 140 mm/mol [IFCC] Bảo quản: từ 2-30 độ C Hạn dùng 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Là test thử theo máy Standard F200, F2400	Test	10.000

104	PP2500576823	Hóa chất nội kiểm HbA1c	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm này được sản xuất từ các protein hemoglobin người với các chất bảo quản và chất ổn định khác. Mỗi khoảng nồng độ vật liệu kiểm soát được thể hiện trên nhãn lọ với một mã vạch chứa các thông tin cần thiết để tiến hành đánh giá kiểm soát chất lượng. - Thành phần: 10 Viên nén vật liệu kiểm soát level 1 và 10 Viên nén vật liệu kiểm soát level 2. - Phù hợp với test HBA1C trúng thầu. - Bảo quản từ 2-30°C. 	Hộp	20
105	PP2500576824	Bộ kit test chẩn đoán nhanh vi khuẩn gây viêm loét dạ dày tá tràng - Helicobacter pylori	Test chẩn đoán nhanh vi khuẩn gây viêm loét dạ dày tá tràng trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người.	Test	5.000
106	PP2500576825	Test nhanh phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV	<p>Định tính phát hiện các kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: $\geq 98\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$ 	Test	4.000
107	PP2500576826	Test nhanh chẩn đoán viêm gan A	Test nhanh chẩn đoán HAV IgM. Độ nhạy: $\geq 99,5\%$, độ đặc hiệu: $\geq 99,3\%$.	Test	3.000
108	PP2500576827	Test nhanh chẩn đoán viêm gan E	Đặc tính: Độ nhạy $\geq 98,6\%$, độ đặc hiệu $\geq 99,3\%$.	Test	3.000

109	PP2500576828	Test nhanh phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8%	Test	2.000
110	PP2500576829	Test phát hiện định tính HBeAg	Định tính phát hiện sự có mặt của HBeAg trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người	Test	2.000
111	PP2500576830	TT ASO LATEX (Antistreptolysin O Latex agglutination)	Thành phần thuốc thử: + Latex: Các hạt latex được phủ streptolysin O + Huyết thanh kiểm soát dương tính + Huyết thanh kiểm soát âm tính	Test	400

112	PP2500576831	Que thử đường huyết + Kim chỉch máu	<p>Mã hóa tự động nhận que không cần hiệu chỉnh hay cài đặt.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Loại Enzyme: GDH-FAD; * Thời gian đo: 5 giây; * Mẫu máu rất nhỏ, chỉ cần 0,5uL; *Mẫu: Mao mạch, tĩnh mạch * Phạm vi đo Glucose: 20 ~ 650 mg/dL (1.1 ~ 36.1 mmol/L) * Dải Hematocrit : 20% - 65% * Độ chính xác: SD < 5 mg/dL (0.278 mmol/L) at < 100 mg/dL (5.55 mmol/L) CV < 5% at 100 mg/dL (5.55 mmol/L) * Cảnh báo Ketone : ±15 mg/dL nếu như < 100 mg/dL; ±15% nếu như ≥ 100 mg/dL 	Que	12.000
113	PP2500576832	Anti A	<p>Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti A 1,0ml. Dung tích: 10ml/Lọ</p>	Lọ	6
114	PP2500576833	Anti B	<p>Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti B 1,0ml. Dung tích: 10ml/Lọ</p>	Lọ	6
115	PP2500576834	Anti AB	<p>Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti AB 1,0ml. Dung tích: 10ml/Lọ</p>	Lọ	6

116	PP2500576835	Dung dịch Acid acetic	Chai 500ml nồng độ 3%	Chai	4
117	PP2500576836	Dung dịch lugol 3%	Hóa chất Lugol 3%. Chai 500 ml	Chai	4
118	PP2500576837	Khay tiêm inox	Chất liệu inox 304 KT $\geq 22 \times 32$ cm	Cái	7
119	PP2500576838	Kéo cắt chỉ	Chất liệu thép không gỉ. Dài $\geq 10,5$ cm, đầu thẳng, cong	Cái	45
120	PP2500576839	Cây bóc tách	Dụng cụ bóc tách nướu 2 đầu - Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương. - Có thể hấp tiệt trùng.	Cái	20
121	PP2500576840	Cây trám	Cây trám các loại dùng để đưa vật liệu trám răng vào các vùng răng sâu trong trám răng - Tay cầm dài từ 10 - 20cm (có 3 cỡ: 10, 15, 20cm), đường kính: từ 6 - 8mm (có 3 cỡ: 6, 7, 8mm), bề mặt nhám - Đầu trám nhiều hình dạng: tròn, dẹp, trụ, nhám. Đầu cứng, láng, nhiều kích cỡ, đường kính: từ 1.0 - 3.5mm (có 5 cỡ: 1.0, 1.5, 2.2, 2.5, 3.5mm)	Cái	20
122	PP2500576841	Khay đựng đồ khám nha khoa	Thép inox không gỉ	Cái	20
123	PP2500576842	Thám châm nha khoa	Thám châm inox bề mặt nhẵn	Cái	60
124	PP2500576843	Kẹp gấp nha khoa	Được làm bằng thép không gỉ	Cái	60
125	PP2500576844	Dây Garô	Dây garô thắt mạch	Cái	300
126	PP2500576845	Kẹp khuỷu	Chất liệu thép không gỉ	Cái	3

127	PP2500576846	Tăm bông	Que bằng gỗ dài tối thiểu 15cm * 1 đầu có quần bông (100% bông xơ tự nhiên) đã vô trùng * Đựng trong ống nghiệm có nắp kín.	Cái	40.000
128	PP2500576847	Hộp kính thử thị lực Inami	35 cặp (tổng cộng 228 chi tiết) đựng trong hộp gỗ	Bộ	1
129	PP2500576848	Kẹp phẫu tích đầu thẳng có máu	Chất liệu không gỉ, có máu, đầu thẳng, 13cm ($\pm 5\%$)	Cái	20
130	PP2500576849	Kẹp phẫu tích đầu thẳng không máu	Chất liệu không gỉ, không máu, đầu thẳng 13cm ($\pm 5\%$)	Cái	25
131	PP2500576850	Kéo thẳng 16 cm	Chất liệu thép không gỉ	Cái	20

PHỤ LỤC 2 - CAM KẾT CỦA NHÀ THẦU
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh, ngàytháng.....năm.....

BẢN CAM KẾT

Nhà thầu..... (sau đây gọi tắt là Nhà thầu) tham gia đấu thầu gói thầu:.....

Đại diện hợp pháp của nhà thầu..... cam kết các điều khoản sau:

1. Hàng hóa do nhà thầu cung cấp được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng và lưu hành trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
2. Nhà thầu cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và minh bạch của các nội dung kê khai.
3. Hàng hóa do nhà thầu cung cấp có nhãn hoặc có kèm theo nhãn phụ với đầy đủ các thông tin theo quy định pháp luật hiện hành.
4. Cam kết hàng hóa được giao mới 100%, còn nguyên và chưa qua sử dụng. Cam kết hàng hóa khi giao đảm bảo Phẩm chất, chất lượng, được bao bì đóng gói, thông số kỹ thuật theo đúng tiêu chuẩn chế tạo của nhà sản xuất và theo yêu cầu của HSMT; đảm bảo không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa. Trường hợp, hàng hóa vi phạm cam kết này hoặc Hàng hóa đã giao và có thông báo đình chỉ lưu hành, thu hồi của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Đơn vị sử dụng, Nhà thầu cam kết thu hồi hàng hóa đã giao và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sản phẩm không đảm bảo chất lượng gây nên cho bệnh nhân và Đơn vị sử dụng; Nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả tiền hoặc thay thế bằng lô sản xuất khác đảm bảo chất lượng.
5. Cam kết giá chào thầu của hàng hóa đảm bảo phù hợp theo quy định của Luật Giá, Nghị định 98/2021/NĐ-CP, Nghị định 07/2023/NĐ-CP và quy định pháp luật hiện hành. Cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng chủng loại;

giá đã trúng thầu và không thay đổi trong thời gian thực hiện hợp đồng. Hàng hóa được cung cấp làm nhiều đợt theo nhu cầu của Đơn vị sử dụng và dự kiến hoàn thành trong thời gian hợp đồng có hiệu lực.

6. Cam kết về hạn sử dụng của hàng hóa phải được in trên bao bì của sản phẩm hoặc theo quy định của nhà sản xuất. Hạn sử dụng còn lại của hàng hóa trúng thầu tính từ thời điểm cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 năm trở lên; 1/2 hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm.

7. Cam kết tối đa trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được thông báo dự trữ của Đơn vị sử dụng, Nhà thầu cung ứng đầy đủ vật tư hàng hóa tại Kho hoặc nơi chỉ định của Đơn vị sử dụng, đảm bảo về số lượng và chất lượng, đúng giá trúng thầu, mọi chi phí vận chuyển do nhà cung cấp chịu.

Chúng tôi cam kết sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về các nội dung đã cam kết nêu trên theo quy định của pháp luật.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]